TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2023
"Tranh chấp về ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đức Đông** và ông **Nguyễn Mạnh Toàn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị May** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà **Ngô Thị Quế** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn, con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1992.

HKTT: Thôn D, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn O, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Đức H1**, sinh năm 1984.

HKTT: Thôn D, xã N, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1962.

HKTT: Thôn D, xã N, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Có mặt: chị H; Vắng mặt: anh H1, bà H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn- chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Đức H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H1 tại thôn D, xã N. Quá trình chung sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do anh H1 có biểu hiện không chung thuỷ với chị trong thời gian anh H1 đi làm tại Trung Quốc. Khi chị sinh con được 5 tháng, chị cho con sang Trung Quốc ở cùng anh H1 với mục đích để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Gia đình đoàn tụ, chung sống được khoảng 3 tháng nhưng anh H1 không hề thay đổi, vẫn duy trì mối quan hệ mờ ám; chị tham gia góp ý thì anh H1 chửi, đánh, đuổi chị nên chị phải đưa con về gia đình bố mẹ đẻ tại thôn O, xã C sinh sống. Năm 2017, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, anh H1 về Việt Nam và đón con về quê xã N sinh sống. Trong thời gian chị lao động tại Nhật Bản thỉnh thoảng chị trao đổi qua anh H1 để nói chuyện với con chứ vợ chồng không trò chuyện cùng nhau. Tháng 3/2023 chị hết hạn hợp đồng về nước, chị về gia đình anh H1 ở được 2-3 ngày thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, anh H1 chửi đánh chị, chị phải báo chính quyền can thiệp đồng thời chị bỏ về nhà đẻ ở, không chung sống cùng anh H1 nữa. Anh H1 đến nhà gặp bố mẹ chị, khi được tham gia góp ý, anh H1 tuyên bố không coi chị là vợ từ lâu và không muốn chung sống cùng chị nữa. Chị và anh H1 sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn đã căng thẳng, không thể hàn gắn đoàn tụ. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1 để hai bên ổn định cuộc sống.

Chị chỉ biết hiện nay anh H1 không có mặt tại địa phương vì cuối tháng 4/2023, anh H1 chủ động gọi điện bảo chị đến đón con về nuôi để anh H1 đi làm xa, nhưng anh H1 giấu không cho biết anh H1 làm gì, ở đâu.

Chị và anh H1 có một con chung: Vũ Đức Gia H3, sinh ngày 19/5/2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Vũ Đức H1 trình bày:

Về điều kiện kết hôn và quá trình tổ chức cuộc sống như chị H trình bày là đúng. Anh xác định thời gian đầu vợ chồng vui vẻ, hòa thuận, tuy nhiên từ khi chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì chị H không có trách nhiệm với gia đình, không gửi tiền về cho anh trang trải cuộc sống và nuôi con. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh không nhất trí, anh mong muốn chị H suy nghĩ quay lại đoàn tụ cùng anh nuôi con. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Toà án tạo điều kiện về thời gian để anh và chị H tự giải quyết với nhau về tài sản và thoả thuận việc nuôi con trước khi chấm dứt hôn nhân.

Anh và chị H có một con chung Vũ Đức Gia H3, sinh ngày 19/5/2015, khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng con chung, anh đồng ý để chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về quan hệ tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng là bà Bùi Thị H2 (mẹ anh Vũ Đức H1) trình bày:

Bà là mẹ kế của anh H1, bà nuôi và chung sống cùng anh H1 từ nhỏ. Năm 2014 anh H1 kết hôn cùng chị H. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống chị H, anh H1 không có mâu thuẫn gì lớn, thời gian anh H1 sang Trung Quốc làm ăn có nhiều mối quan hệ khách hàng trong đó có người khác giới, chị H không thông cảm chia sẻ với chồng mà lại nghi ngờ sự chung thủy của chồng. Có thời gian chị H đưa con sang Trung Quốc ở cùng anh H1 nhưng chỉ ở được một thời gian ngắn vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, ghen tuông nghi ngờ nhau nên chị H cho con về quê đẻ tại xã Cổ Bì sinh sống. Năm 2017 chị H đi lao động tại Nhật Bản, anh H1 về Việt Nam và đón con về quê Nhân Quyền chăm sóc. Trong thời gian lao động tại Nhật Bản, chị H không có trách nhiệm với chồng con, đến vài năm sau, thỉnh thoảng chị H mới gửi tiền về để nuôi con nhưng không đáng kể. Tháng 3/2023, chị H về nước nhưng không về ở cùng nhà anh H1, có lần chị H đến đón con nhưng không hỏi ý kiến anh H1 nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xích mích và chị H bỏ về nhà đẻ ở. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để chị H, anh H1 đoàn tụ theo đúng nguyện vọng của anh H1.

Tháng 5/2023, anh H1 đi làm xa không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng anh H1 liên lạc với bà qua điện thoại, qua mạng xã hội. Bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh H1, bà đã thông báo nội dung các văn bản đó cho anh H1 biết. Anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Anh H1, chị H có một con chung Vũ Đức Gia H3, trong thời gian chị H đi xuất khẩu lao động, anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng con, ngoài ra bà có hỗ trợ anh H1 trong việc nuôi, dạy cháu. Từ tháng 5/2023, sau khi anh H1 đi làm, chị H đã đón cháu Gia H3 về nuôi dưỡng. Trường hợp chị H, anh H1 ly hôn bà đề nghị Tòa án giao con cho anh H1 nuôi dưỡng, bà sẵn sàng hỗ trợ anh H1 trong việc trông nom chăm sóc cháu H3.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị H chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh H1 vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Đức H1.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Đức Gia H3, sinh ngày 19/5/2015 (hiện đang ở cùng chị H) đến khi con chung 18 tuổi, trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh H1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

- Anh Vũ Đức H1 là bị đơn xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam ngày 11/5/2023, sau ngày Tòa án nhân dân huyện Bình Giang thụ lý vụ án (30/3/2023), do vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang theo quy định tại điểm 5 Điều 7 Nghị quyết 03/2012/HĐTP-TANDTC ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Vũ Đức H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh H1 vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Đức H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương ngày 21/4/2014, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì theo anh H1 là sau khi chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản vào năm 2017, chị H không có trách nhiệm với gia đình, còn theo chị H thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 và nguyên nhân do anh H1 không chung thủy với vợ.

Tuy nhiên cả chị H và anh H1 đều thừa nhận vợ chồng đã chính thức ly thân từ năm 2017, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tháng 3/2023, khi chị H về nước nhưng vợ chồng cũng không hàn gắn mâu thuẫn, tổ chức cuộc sống chung mà mỗi người sống 1 nơi và tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, chính quyền địa phương phải can thiệp. Chị H kiên quyết ly hôn trong khi anh H1

không nhất trí nhưng anh lại vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa không có lý do, chứng tỏ anh không thực sự thiện chí để đoàn tụ.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H1 phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H, anh H1 có một con chung là Vũ Đức Gia H3, sinh ngày 19/5/2015 (hiện đang ở cùng chị H). Chị H, anh H1 đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Chị H xác định sẽ trực tiếp nuôi dạy con, chị ở cùng bố mẹ đẻ, điều kiện sinh hoạt tiện nghi; chị có công việc, thu nhập ổn định; ngoài ra bố mẹ chị còn khỏe, sẵn sàng hỗ trợ chị trong việc nuôi dạy con. Nếu được giao nuôi con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con; Về phía anh H1, anh chỉ trình bày quan điểm xin nuôi con, có yêu cầu chị H cấp dương nuôi con hàng tháng, anh không chứng minh về điều kiện nuôi con như thế nào để Hội đồng xét xử xem xét. Theo tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ thì anh H1 đã xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam ngày 11/05/2023, chưa có thông tin nhập cảnh; bà Bùi Thị H2 (mẹ anh H1) xác định anh H1 đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, bà không biết anh H1 làm gì, ở đâu.

Như vậy, chị H có điều kiện thuận lợi hơn anh H1 trong việc nuôi dưỡng con chung, mặt khác cháu Vũ Đức Gia H3 có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp điều kiện thực tế của mỗi bên, cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung, chị cam kết đảm bảo quyền lợi của con chung. Đây là sự tự nguyện của chị H, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2.3].Về quan hệ tài sản: Chị H, anh H1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Đức H1.

2 - Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Đức Gia H3, sinh ngày 19/5/2015 (hiện đang ở cùng chị H) đến khi con chung 18 tuổi, trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002319 ngày 30/3/2023.

3- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Vũ Đức H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã N.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Quyên